

VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VIỆN MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO

**TỔNG KẾT NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017
CỦA VIỆN MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP**

Hà Nội - 2016

A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC 2016

I. ĐẶC ĐIỂM, THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1.1. Đặc điểm chính

Viện Môi trường Nông nghiệp (sau đây viết tắt là Viện) được thành lập từ năm 2008, tính đến tháng 12/2016, tổng số viên chức của Viện là 126 người, gồm 92 biên chế và 34 hợp đồng lao động. Cơ cấu tổ chức của Viện được chia thành 12 đơn vị trực thuộc gồm: 3 phòng chức năng; 5 Bộ môn nghiên cứu; 2 Trung tâm và 2 Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường.

1.2. Thuận lợi

- Viện nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Giám đốc, các Ban của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, sự ủng hộ của Lãnh đạo Bộ và các Cục/Vụ chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, sự hợp tác phối hợp của các địa phương, các tổ chức liên quan trong và ngoài nước;

- Đội ngũ viên chức của Viện được đào tạo cơ bản trong và ngoài nước, nhiều viên chức có trình độ chuyên môn sâu, đa dạng về các lĩnh vực;

- Lãnh đạo và tập thể viên chức Viện luôn đoàn kết nỗ lực hết mình cho công cuộc nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển Viện;

- Đảng uỷ, Ban Lãnh đạo Viện tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các viên chức của Viện được học tập và nghiên cứu, phát triển tư duy độc lập và sáng tạo trong công việc.

1.3. Khó khăn

- Khó khăn trong việc triển khai nhiệm vụ thường xuyên, xây dựng thuyết minh theo Thông tư 55 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ với định mức lương mới, chi trả tiền lương thông qua nhiệm vụ thường xuyên (NVTX) nhưng tổng kinh phí cho NVTX không thay đổi;

- Đội ngũ viên chức nghiên cứu trẻ còn ít kinh nghiệm thực tiễn, tỷ lệ cán bộ nữ cao nên việc phân công công tác thực địa, nắm bắt địa bàn còn nhiều hạn chế;

- Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, làm việc còn rất hạn chế về không gian và trang thiết bị làm việc.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2016

2.1. Công tác tổ chức cán bộ, hành chính và quản trị

2.1.1. Công tác tổ chức cán bộ

a) Tổ chức bộ máy, biên chế tiền lương, tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức:

- *Biên chế tiền lương:*

+ Tổng nguồn lực lao động của Viện (biên chế và hợp đồng có đóng BHXH) đến tháng 12/2016 là 126 viên chức (92 biên chế, 34 hợp đồng). Về trình độ, có 2 PGS; 14 Tiến sỹ, 63 Thạc sỹ, 39 Đại học và 10 viên chức có trình độ từ cao đẳng trở xuống.

+ Tổng quỹ lương của toàn Viện là 4,88 tỷ đồng/năm, trung bình 4,3 triệu đồng/tháng/viên chức, thấp hơn so với các Viện khác do đa số đội ngũ cán bộ còn trẻ, hệ số lương thấp, do đó thu nhập từ lương cho viên chức tương đối thấp.

- *Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*

+ Năm 2016, Viện không tổ chức các hoạt động tuyển dụng, công tác sử dụng viên

chức được sắp xếp phù hợp với chuyên môn và sở trường công tác để mỗi viên chức phát huy tốt nhất khả năng làm việc của mình.

b) Quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm, điều chuyển, luân chuyển, kéo dài, nghỉ hưu đối với cán bộ, viên chức

- Viện đã tiến hành công tác rà soát, bổ sung, quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2016 – 2021 và đã được Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam phê duyệt.

- Năm 2016, Viện đã hoàn thành thủ tục bổ nhiệm 03 viên chức, làm thủ tục giải quyết chế độ hưu chí cho 02 viên chức, điều chuyển 02 viên chức.

c) Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với viên chức (nâng lương nâng ngạch, Bảo hiểm xã hội)

- *Xét nâng lương:* Năm 2016, Viện đã làm các thủ tục để xét nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn cho 43 viên chức (31 viên chức nâng lương thường xuyên, 10 viên chức nâng lương trước thời hạn, 02 viên chức được nâng lương trước thời hạn trước khi nghỉ hưu) và đã được Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam phê duyệt.

- *Nâng ngạch:* Viện đã tiến hành các thủ tục rà soát và đề nghị Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam bổ nhiệm ngạch viên chức từ ngạch 0091, 0092, 0093 sang mã ngạch mới là V.05.01.01, 05.01.02, V05.01.03 cho tất cả viên chức thuộc ngạch nghiên cứu.

- *Bảo hiểm xã hội:* Viện đã làm thủ tục cấp mới sổ bảo hiểm cho 01 viên chức của Viện, thực hiện đóng bảo hiểm cho toàn bộ viên chức trong biên chế và lao động hợp đồng đúng quy định và thời gian.

d) Đào tạo viên chức

- Năm 2016, Viện đã cử 01 viên chức đi đào tạo Tiến sĩ ở nước ngoài, 4 viên chức tham gia đào tạo Thạc sĩ, nâng số viên chức đang tham gia học tiến sĩ lên số 9 người và 7 viên chức đang học thạc sĩ;

- Cử 17 viên chức tham gia đào tạo ngắn hạn, trong đó có 5 viên chức đào tạo tại nước ngoài;

- Cử 10 viên chức đào tạo nâng ngạch, trong đó có 2 NCVCC và 8 NCVC.

e) Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đối với các viên chức trong diện phải kê khai

- Thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đối với 100% các viên chức trong diện phải kê khai đầy đủ và đúng với qui định.

f) Xuất nhập cảnh:

Tính đến tháng 12/2016, Viện đã cử 13 lượt viên chức xuất cảnh và tiếp đón trên 50 chuyên gia nước ngoài tới thăm và làm việc với Viện.

g) Quản lý và bổ sung hồ sơ viên chức:

Tất cả hồ sơ của viên chức và lao động hợp đồng thuộc Viện được bảo quản an toàn và cập nhật bổ sung theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Công tác văn phòng

2.2.1. Hành chính quản trị

a) Tổ chức viên chức và thực hiện nghiệp vụ văn thư lưu trữ

- Viện đã bố trí 02 viên chức làm công tác văn thư lưu trữ và kiêm nhiệm một số công việc khác.

- Năm 2016, Viện đã ban hành và quản lý 729 văn bản đi, tiếp nhận và xử lý 240 văn bản đến. Các loại con dấu của Viện được bảo quản tại Viện an toàn, không có sự thay đổi con dấu.

- Công tác văn thư lưu trữ, sử dụng và tiêu hủy tài liệu văn thư, lưu trữ được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

b) Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, các loại quy chế của đơn vị

Các văn bản đã ban hành và được rà soát bổ sung trong kỳ gồm:

(1) Quy chế hoạt động nội bộ của Viện Môi trường Nông nghiệp (sửa đổi) bao gồm cả công tác hành chính quản trị, tài chính và quản lý khoa học;

(2) Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của viên chức Viện Môi trường Nông nghiệp khi thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội, quan hệ giữa viên chức với công dân;

(3) Quy chế chi tiêu nội bộ (sửa đổi);

(4) Kế hoạch Phòng chống tham nhũng;

(5) Kế hoạch thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

(6) Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Viện;

(7) Nội quy ra vào cơ quan;

(8) Quy định về Thường trực và bảo vệ cơ quan;

(9) Nội quy sử dụng nhà làm việc để làm nhà ở tạm thời phục vụ công tác bảo vệ cơ quan;

(10) Quy định về công tác phòng cháy chữa cháy.

c) Quản lý đất đai hiện thuộc thẩm quyền của đơn vị:

Tổng diện tích đất của Viện đang quản lý sử dụng an toàn: 35.851,5 m², trong đó:

- Tại Trụ sở của Viện (Phú Đô – Nam Từ Liêm – Hà Nội) là 32.197 m², gồm:

- Tại Trung tâm Phân tích và Quan trắc môi trường nông nghiệp miền Trung và Tây Nguyên (Eakmat, Hòa Thắng, Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk) là 3.654,5 m² (Hiện Trung tâm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 2 mảnh đất (3.654,5 m² + 1.000m² = 4.654,5m²)

d) Công tác phổ biến giáo dục pháp luật:

Viện đã thu thập và phổ biến đến 126 viên chức (100%) các văn bản mới có liên quan đến quản lý và sử dụng viên chức, các quy định quản lý khoa học và tài chính, các quy chuẩn kỹ thuật, quản lý kinh phí và khoa học công nghệ, định hướng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của Đại hội XII thông qua cuộc họp đầu năm của Viện, cuộc họp giao ban

e) Công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự cơ quan, dân quân tự vệ, phòng cháy chữa cháy

- Công tác bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự cơ quan luôn được đảm bảo và ổn định.

- Viện đã thành lập đội thanh niên xung kích phòng cháy, chữa cháy gồm 25 thành viên, có đề án và phương án phòng cháy, chữa cháy cụ thể.

2.3. Xây dựng cơ bản

2.3.1. Tổng số kế hoạch vốn của các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước là 104.911.667.000 đồng, trong đó:

(1) Dự án xây dựng trụ sở Nhà làm việc của Trung tâm Nghiên cứu và Quan trắc MTNN miền Trung và Tây Nguyên: được Bộ Nông nghiệp và PTNN phê duyệt tại quyết định số 2558/QĐ-BNN-XD ngày 19/10/2012 và phê duyệt điều chỉnh tại quyết định số 5567/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2015, tổng mức đầu tư là 28.559.635.000 đồng, nguồn vốn ngân sách nhà nước, thời gian thực hiện 2014-2016. Tính đến hết năm 2016 dự án đã được phân bổ 28.500.000.000 đồng và đến nay đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc được giao.

+ Dự án Đầu tư xây dựng nhà làm việc, tập huấn của Viện là 76.352.032.000 đồng, chia 2 giai đoạn:

* Giai đoạn 1: Từ năm 2015 đến năm 2019: 48.633.839.000 đồng

* Giai đoạn 2: Từ năm 2020 đến năm 2024: 27.718.193.000 đồng

* Tổng số vốn được cấp đến 31/12/2016 là: 15,197 tỷ đồng (Trong đó KH vốn kéo dài năm 2015 sang 2016 là 8,197 tỷ đồng)

2.3.2. Tiến độ triển khai dự án xây dựng:

a) Dự án Đầu tư xây dựng Viện Môi trường Nông nghiệp

- Từ khi được cấp vốn (2015) và triển khai thực hiện dự án đến nay, qua đấu thầu và chỉ định thầu Viện đã chọn được 6 nhà thầu thực hiện 7/16 gói thầu gồm:

+ Gói thầu số 1: Khảo sát phục vụ thiết kế BVTC-DT, lập Thiết kế BVTC -DT, TDT; kinh phí, 1.195,3 triệu đồng, đã hoàn thành, BVTC-DT, TDT đã được phê duyệt và triển khai;

+ Gói thầu số 2: Thẩm tra thiết kế BVTC-DT, TDT, kinh phí 99,68 triệu đồng, đã hoàn thành

+ Gói thầu số 3: Tư vấn Quản lý dự án, 794.5 triệu đồng, đã thực hiện 286 triệu, đạt 36%, đáp ứng theo đúng tiến độ thi công dự án

+ Gói thầu số 4: Tư vấn lập HSMT, phân tích đánh giá HSĐT xây dựng và thiết bị phục vụ xây dựng và gói thầu số 5: Tư vấn lập HSMT, phân tích đánh giá HSĐT cung cấp và lắp đặt thiết bị, kinh phí 39,4 triệu, đã đạt được 50% khối lượng công việc

+ Gói thầu số 6: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, 130 triệu, đã hoàn thành, báo cáo ĐTM được Bộ phê duyệt

+ Gói thầu số 7: Phá dỡ công trình cũ, kinh phí 298.19 triệu, đã hoàn thành, bảo đảm tuyệt đối an toàn, không gây bất kỳ ảnh hưởng nào.

+ Gói thầu số 8: Di dời đường điện cao thế, không thực hiện vì đã nằm trong kinh phí di dời của ngành điện;

+ Gói thầu số 9. Hệ thống chống mối nhà làm việc, thí nghiệm và tập huấn, kinh phí 292.8 triệu đồng, đã ký hợp đồng, đang triển khai tại phần nền móng và sàn công trình;

+ Gói thầu số 10: Thi công xây dựng nhà làm việc và nhà thí nghiệm và tập huấn: Phần xây dựng "cấp điện, điện nhẹ; cấp thoát nước, chống sét"; Hệ thống PCCC và thiết

bị PCCC, kinh phí 32.192 triệu đồng, đã ứng kinh phí, khối lượng công việc thực hiện 6.548 triệu.

+ Gói thầu số 13. Xây dựng vỏ nhà biến áp, cung cấp, lắp đặt thiết bị máy biến áp 320KVA-35/0.4 KV+ phụ kiện, đang tiến hành hiệp thương với Sở Công thương, Chi nhánh điện và chỉ định thầu theo quyết định phê duyệt của Bộ, đảm bảo đúng tiến độ không ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình.

+ Gói thầu số 16: Giám sát thi công xây dựng và thiết bị, kinh phí 817 triệu đồng, đã thực hiện được 160,6 triệu, theo tiến độ dự án đề ra. Trong thời gian ép cọc và công trình ngầm, Viện đã thành lập đội giám sát độc lập cùng với đơn vị giám sát, đơn vị quản lý dự án giám sát khối lượng và chất lượng trong thời gian ép cọc.

b) Dự án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Quan trắc MTNN miền Trung và Tây Nguyên

Năm 2016 được phân bổ 6.600.000.000 đồng để thực hiện các gói thầu: thiết bị phục vụ nghiên cứu; xây dựng tường rào bổ sung; kiểm toán, quyết toán và các gói thầu khác đang thực hiện. Các gói thầu triển khai trong năm 2016 đã và đang được triển khai và giải ngân theo đúng tiến độ, các thiết bị đưa vào vận hành hiệu quả phục vụ các nội dung chuyên môn của Viện.

III. CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

3.1. Công tác kế hoạch

Năm 2016, Viện thực hiện 37 nhiệm vụ khoa học công nghệ, dự án hợp tác quốc tế trong đó có 3 đề tài cấp nhà nước; 7 đề tài cấp Bộ; 8 đề tài hợp tác quốc tế; 6 đề tài phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, 5 đề tài hợp tác với các địa phương và 8 nhiệm vụ thường xuyên.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (bao gồm cả 8 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và 8 dự án HTQT) trong năm 2016 là: 42.361 triệu đồng (đề tài cấp nhà nước 4,1 tỷ đồng, cấp bộ và nhiệm vụ thường xuyên: 12,6 tỷ đồng, phối hợp 0,6 tỷ, nguồn dự án hợp tác quốc tế là 4.897 triệu đồng, hoạt động dịch vụ phân tích đạt 20.129 triệu đồng).

So với cùng kỳ 2015, đầu mục nhiệm vụ giảm 2 nhiệm vụ (năm 2015 là 39 nhiệm vụ khoa học), kinh phí hoạt động (đề tài, dự án và NVTX) giảm 2,3 tỷ đồng so với năm 2015 (năm 2015 là 44.540 triệu đồng). Nhiệm vụ HTQT giảm về số lượng (5 nhiệm vụ 2015, 13 nhiệm vụ 2016) nhưng kinh phí lại tăng hơn gần 1 tỷ so với năm 2015), nhóm nhiệm vụ phối hợp tăng cả về số nhiệm vụ và kinh phí. Các nhóm nhiệm vụ khác vẫn được duy trì ổn định.

3.2. Các kết quả KH&CN nổi bật năm 2016

a) Quan trắc thường xuyên, đánh giá và phân tích chất lượng môi trường

Năm 2016, Viện tiếp tục được Bộ giao thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường đất thường xuyên tại 3 vùng miền Bắc, miền Nam, miền Trung và Tây Nguyên. Viện đã lấy và phân tích 86 mẫu đất và 4 mẫu thóc tại 11 huyện thuộc 7 tỉnh ở miền Bắc, 86 mẫu đất tại 34 điểm ở miền Nam và 135 mẫu đất tại miền Trung và Tây Nguyên. Kết quả quan trắc được sử dụng cho báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia và phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo sản xuất.

b) Nghiên cứu và phát triển các giải pháp khoa học công nghệ quản lý ô nhiễm môi trường:

Trước các vấn đề cấp bách của môi trường nông thôn, các hoạt động nghiên cứu của Viện đã đề xuất và tiến hành thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu xử lý ô nhiễm môi trường, cụ thể:

- Viện đã tiến hành nghiên cứu “Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường nông nghiệp nông thôn”, xây dựng được phần mềm cập nhật và quản lý thông tin, trích xuất một số báo cáo (bao gồm biểu đồ, đồ thị ...), một số biểu mẫu thường xuyên sử dụng, các mẫu báo cáo khác sẽ tiếp tục cập nhật khi chương trình đưa vào sử dụng hoặc khi có yêu cầu của Bộ;

- Viện đã tiến hành nghiên cứu “Xây dựng khung đo phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt) và hướng dẫn đo phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa”: xây dựng được 01 Sổ tay hướng dẫn phương pháp đo phát thải KNK trong sản xuất lúa và 01 Khung đo phát thải khí nhà kính trong ngành nông nghiệp cho lĩnh vực trồng trọt.

- Đã xác định được nguyên nhân và bước đầu xây dựng giải pháp hạn chế, phục hồi môi trường đất trồng lúa bị suy thoái vùng ĐBSCL.

- Sản xuất thử nghiệm được 05 tấn chế phẩm VSV xử lý phế thải sau chế biến tinh bột sắn dạng rắn làm phân hữu cơ sinh học, đảm bảo mật độ vi sinh vật hữu hiệu $\geq 10^8$ CFU/gr, bảo quản được 3 tháng và an toàn với môi trường, sản phẩm được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa với nhãn hiệu Mic Cas 03;

- Sản xuất 1 tấn chế phẩm vi sinh vật nâng cao hiệu quả xử lý nước thải sau biogas tại nhà máy chế biến tinh bột sắn, đảm bảo mật độ vi sinh vật hữu hiệu $\geq 10^8$ CFU/gr, bảo quản được 3 tháng và an toàn với môi trường, sản phẩm được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa với nhãn hiệu Mic Cas 02;

c) Nghiên cứu các giải pháp đánh giá và ứng phó tác động của biến đổi khí hậu

- Thực hiện đề tài nghiên cứu: “Xây dựng mô hình canh tác lúa bền vững tái sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp nhằm tiết kiệm phân bón và giảm phát thải khí nhà kính vùng Đồng bằng sông Hồng” do ban quản lý dự án ADB tài trợ: Đã điều tra thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng canh tác lúa tại Nam Định và xây dựng được 3 mô hình trình diễn ứng dụng than sinh học và phân hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất canh tác lúa bền vững nhằm giảm phát thải khí nhà kính, quy mô 1,0 ha cho vụ mùa 2015; đo phát thải KNK cho 3 mô hình trình diễn trong vụ mùa 2015 (4 giai đoạn x 2 loại khí x 5 công thức x 3 lần lặp x 3 thời điểm x 1 vụ) và tổ chức 01 lớp tập huấn cho nông dân sử dụng lò đốt và 01 lớp tập huấn cho nông dân về ứng dụng than sinh học.

- Thực hiện đề tài nghiên cứu: “Sử dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp sản xuất năng lượng và than sinh học phục vụ nông nghiệp thông minh ở Việt Nam” do Chương trình Biến đổi Khí hậu, Nông nghiệp và An ninh lương thực (CCAFS) tài trợ: Đã xây dựng 48 bếp khí hóa gas và tạo than sinh học (16 lò/ tỉnh) và chuyển giao việc sử dụng lò khí hóa gas từ sinh khối cho 48 hộ gia đình tại 3 địa điểm thuộc tỉnh Yên Bái, Hà Tĩnh và Bạc Liêu; Triển khai được 3 mô hình trình diễn ứng dụng bón than sinh học từ phụ phẩm cây trồng để cải thiện đất, giảm phát thải KNK cho cây lúa tại Bạc Liêu, cây ngô tại Yên Bái, cây lạc tại Hà Tĩnh.

- Thực hiện đề tài nghiên cứu “Phát triển khung Giám sát - Báo cáo - Kiểm định (MRV) cho NAMAs về hệ thống nông nghiệp tổng hợp với canh tác lúa cải tiến (SRI) và bếp khí hóa từ phế phụ phẩm của lúa”: Đã xây dựng khung hướng dẫn hệ thống thâm canh lúa cải tiến SRI và bếp khí hoá cải tiến của tỉnh Thái Bình và nâng cao năng lực kỹ thuật cho các chuyên gia trong nước trong việc thu thập dữ liệu về phát thải khí nhà kính, mô hình phát thải khí nhà kính, hệ số phát thải và xây dựng hệ thống MRV: đã tổ chức 01

hội thảo cho 85 đại biểu tại Thái Bình; đã tổ chức 4 lớp tập huấn (kỹ thuật canh tác lúa cải tiến SRI, kỹ thuật canh tác lúa theo hiệu ứng đường biên, năng lượng tái tạo và kỹ thuật sử dụng than sinh học, kỹ thuật sử dụng bếp khí hóa gas từ phế phụ phẩm trồng trọt) cho 500 cán bộ xã và nông dân tại Thái Bình.

- Đã xác định được tác động của biến đổi khí hậu trong lịch sử thông qua các chỉ tiêu hóa lý trong vòng năm của cây thông nhựa ở Quảng Bình và cây Pơ Mu ở tỉnh Lào Cai.

d) Xây dựng các mô hình kiểm soát, diệt trừ sinh vật ngoại lai

Viện đã thực hiện đề tài độc lập cấp Nhà nước “Nghiên cứu các biện pháp cấp bách để ngăn chặn và xử lý hiệu quả cây Bìm Bìm *Merremia spp.* tại Đà Nẵng và vùng phụ cận”: Đã điều tra hiện trạng xâm lấn, đánh giá tác hại của cây Bìm Bìm tới hệ sinh thái bản địa, nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái và khả năng tái sinh từ hạt, thân cành và rễ của cây Bìm bìm tại Đà Nẵng và đã xác định được loại thuốc trừ cỏ, liều lượng sử dụng và phương pháp diệt trừ cây Bìm Bìm bằng cách tạo lỗ trên thân và bơm thuốc trừ cỏ vào lỗ. Đây là biện pháp mới, dễ thực hiện, hiệu quả triệt để (100%) và hoàn toàn không gây tác động tiêu cực tới môi trường trong diệt trừ cây Bìm Bìm tại Đà Nẵng.

e) Hoạt động khuyến nông

- Viện đã thực hiện dự án khuyến nông Trung ương về “Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi sản xuất và tiêu thụ rau an toàn tại vùng trồng rau trọng điểm cung cấp cho thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh” với kinh phí 1,6 tỷ đồng. Dự án đã sản xuất được rau an toàn theo tiêu chuẩn QCVN 01:132-2013/BNNT tại 4 tỉnh quy mô 70 ha đất gieo trồng (Hà Nội: 25ha, Bắc Ninh: 10ha, Lâm Đồng: 25ha và TP Hồ Chí Minh: 10ha). Sản phẩm được tiêu thụ giúp tăng thu nhập cho người sản xuất và người tiêu thụ và tổ chức được 7 lớp tập huấn sản xuất rau an toàn cho nông dân tham gia mô hình với 245 lượt người tham dự; 4 lớp sản xuất rau an toàn ngoài mô hình với 140 lượt người tham dự và 1 hội thảo vùng tại Hà Nội có 50 người tham dự;

- Viện đã tổ chức 03 lớp tập huấn với quy mô 30 người/lớp/3 ngày:

+ Bồi dưỡng phương pháp khuyến nông và kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ sinh học tại tỉnh Hà Nam;

+ Bồi dưỡng phương pháp khuyến nông và canh tác lúa giảm phát thải khí nhà kính tại Hưng Yên;

+ Bồi dưỡng phương pháp khuyến nông và kỹ thuật sản xuất, sử dụng than sinh học từ phụ phẩm trồng trọt giảm ô nhiễm và phát thải khí nhà kính tại Thái Bình.

3.3. Kết quả chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Năm 2016, Viện đã chuyển giao 04 quy trình công nghệ gồm:

- Quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh vật xử lý phế thải sau chế biến tinh bột sản dạng rắn làm phân hữu cơ sinh học cho các tỉnh Nghệ An, Bình Phước, Ninh Bình;

- Quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật nâng cao hiệu quả xử lý nước thải sau biogas tại nhà máy chế biến tinh bột sắn cho các tỉnh Nghệ An, Bình Phước, Ninh Bình;

- Quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh vật nâng cao hiệu quả xử lý nước thải sau biogas tại nhà máy chế biến tinh bột sắn cho các tỉnh Nghệ An, Bình Phước, Ninh Bình;

- Quy trình tái sử dụng nguồn phụ phẩm nông nghiệp sản xuất năng lượng và than sinh học phục vụ nông nghiệp thông minh tại các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Bình Định (16 mô hình).

Ngoài ra, Viện cũng đã chuyển giao 15 bếp khí hóa gas từ phụ phẩm trồng lúa phục vụ sản xuất năng lượng sạch, an toàn và giảm phát thải KNK cho tỉnh Thái Bình; chuyển giao thành công mô hình kiểm soát và xử lý cây trình nữ móc cho Vườn Quốc gia Cúc Phương và chuyển giao 01 mô hình trình diễn ứng dụng bón than sinh học từ phụ phẩm cây trồng để cải thiện đất, giảm phát thải KNK cho cây Lạc tại tỉnh Hà Tĩnh.

3.4. Kết quả hoạt động dịch vụ

Năm 2016, Trung tâm Phân tích và Chuyển giao công nghệ môi trường đã thực trên 150 hợp đồng dịch vụ phân tích theo yêu cầu của Thanh tra sở nông nghiệp Hà Nội, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội, các HTX sản xuất rau, ... và quan trắc môi trường với tổng kinh phí đạt 20.129 triệu đồng. Các kết quả hoạt động dịch vụ đạt được gồm:

- Phân tích dư lượng độc tố gồm kim loại nặng, dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật, vi sinh vật, ... trong nông sản xuất khẩu (chè, cà phê) trong vật tư nông nghiệp (phân bón hóa học, phân vi sinh, phân hữu cơ,...) cho các tổ chức hợp chuẩn hợp quy, các công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Quan trắc môi trường nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, quan trắc và giám sát môi trường biển các 04 tỉnh miền trung (liên quan đến sự cố môi trường Formosa, Hà Tĩnh), quan trắc chất lượng nước sự cố cá chết tại Hồ Tây,....., tham gia thực hiện hoạt động điều tra, đánh giá và phân loại mức độ rủi ro tại các kho tồn lưu hóa chất BVTV từ thời chiến tranh, từ thời kỳ bao cấp tại Nghệ An và Lào Cai.

- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về phân tích chất lượng môi trường cho trên 200 cán bộ kỹ thuật từ các địa phương, các đơn vị khác có liên quan; tập huấn cho 420 nông dân về kỹ thuật sản xuất rau an toàn, giám sát và sản xuất rau an toàn theo chuỗi; phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường cho 100 cán bộ địa phương cấp tỉnh, huyện và 60 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Trung tâm vẫn duy trì và mở rộng đăng ký thêm các chỉ tiêu VILAS, dịch vụ quan trắc môi trường với mã số VIMCERTS 082. Các hoạt động phân tích được Bộ NN &PTNN chỉ định là phòng thí nghiệm phân tích chất lượng nông, thủy sản, an toàn thực phẩm và Bộ Công Thương chỉ định là đơn vị được phép phân tích chất lượng phân bón vô cơ.

3.5. Kết quả hoạt động với các địa phương và phối hợp

Thông qua 5 nhiệm vụ hợp tác với các địa phương và 6 nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị nghiên cứu khác cho thấy các kết quả của các nhiệm vụ này được chuyển giao cho các địa phương khá hiệu quả như:

- Công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh vật xử lý chất thải hữu cơ làm phân bón tại tỉnh Đắk Nông;

- Công nghệ vi sinh sản xuất các chế phẩm vi sinh vật đa chức năng để xử lý phế phẩm nông nghiệp làm phân bón (Kon Tum);

- Sản xuất thử nghiệm phân hữu cơ vi sinh vật đa chức năng có bổ sung than sinh học Biochar (Bình Định)....

3.6. Kết quả hợp tác quốc tế

Trong năm 2016, Viện triển khai 08 nhiệm vụ hợp tác quốc tế với lượng kinh phí 4,897 tỷ đồng và đã tiếp hơn 50 chuyên gia quốc tế tới tham quan và làm việc tại Viện.

3.7. Công tác quản lý KH&CN, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu

Công tác quản lý các nhiệm vụ khoa học công nghệ: kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu được tiến hành đúng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ và của các nhà tài trợ kinh phí nghiên cứu.

Tổ chức nghiệm thu 91 chuyên đề khoa học, nhìn chung chất lượng chuyên đề ngày càng được đảm bảo, đáp ứng được yêu cầu và là sản phẩm quan trọng của đề tài;

Các văn bản hồ sơ pháp lý và Hồ sơ khoa học các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các văn bản hướng dẫn (các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia theo Thông tư 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30/5/2014 và TT 12/2009/TT-BKH&CN ngày 8/5/2009; các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ theo Thông tư 18/2015/TT-BNNPTNT; các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Thông tư 55/2013/TT-BNNPTNT).

Hồ sơ lưu giữ tại 3 nơi: 1). Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế; 2). Phòng Tài chính, Kế toán và 3). Chủ trì nhiệm vụ. Nếu văn bản nào chỉ có 1 bản chính thì được lưu giữ tại Phòng Tài Chính, Kế toán để thuận tiện giao dịch quyết toán tài chính.

IV. CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

4.1. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Bình quân số người/máy vi tính: 1/1, tuy nhiên, trong đó nhiều máy tính do Viện trang bị;

- Số người sử dụng máy vi tính cơ bản như soạn thảo văn bản, trao đổi thư điện tử, tìm kiếm thông tin tài liệu/ tổng số viên chức của cơ quan (%): 126/126 (100%), nhiều viên chức nghiên cứu đạt chuẩn về trình độ tin học theo yêu cầu đối với nghiên cứu viên;

- 100% máy tính được kết nối internet, 70% văn bản được thực hiện qua thư điện tử;

- Trang web <http://www.iae.vn> được vận hành tốt, hiệu quả với 74 bài đăng trong năm 2016, một số đơn vị đã chấp hành tốt quy chế về nộp bài đăng. Bên cạnh đó còn có website của Trung tâm phân tích và Chuyển giao công nghệ môi trường cũng chủ động xây dựng website: www.vietnamlab.org phục vụ cho hoạt động dịch vụ và www.cSDL.gov.vn trên trang của Bộ

4.2. Xuất bản ấn phẩm

- Năm 2016, Viện xuất bản được 01 số trên tạp chí khoa học chuyên ngành về môi trường nông nghiệp (300 bản), tờ rơi giới thiệu Viện (300 tờ), xây dựng được 01 sổ tay hướng dẫn phương pháp đo phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa.

- Năm 2016, Viện đã công bố được 41 bài báo, trong đó có 9 bài công bố trên các tạp chí quốc tế, 32 bài trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

- Cùng với công bố các bài báo, các viên chức của Viện đã có 20 báo cáo trình bày tại các Hội thảo trong nước và quốc tế, trong đó có 13 bài trình bày tại Hội thảo quốc tế.

- Năm 2016, Viện đã phát 04 bản tin trên truyền hình, cụ thể:

+ Bản tin phát trên VTC16 về ngày môi trường thế giới 5/6/2016 tại xã Hoàng Tây, huyện Kim Bảng, Hà Nam;

+ Bản tin phát trên VTV1 về Phương pháp canh tác lúa theo hiệu ứng đường biên giảm phát thải khí nhà kính;

+ Bản tin phát trên VTC16 trong Chương trình nông thôn xanh, Bản tin “Nông nghiệp thông minh ở Mỹ Lợi”;

+ Bản tin phát trên VTV2 trong Chương trình “Giải pháp sáng chế” về Bếp khí hóa gas và tạo than sinh học từ phế phụ phẩm nông nghiệp.

4.3. Thư viện

Số đầu sách 1470, số lượng sách 2100, số lượng bổ sung 60, số lượng người đọc và mượn sách tại thư viện 10, số lượng sách mượn 20.

4.4. Tham gia triển lãm và mẫu vật

- Hiện tại Viện có 30 mẫu vật, trong đó có 6 mô hình demo để trưng bày, giới thiệu tại Viện và các sự kiện khoa học công nghệ có liên quan

- Năm 2016, Viện đã tham gia:

+ Trưng bày sản phẩm khoa học công nghệ tại Hội nghị Tổng kết công tác bảo vệ môi trường ngành nông nghiệp, nông thôn do Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức;

- Triển lãm tại Hội nghị Giống cây trồng quốc gia lần thứ 2 tại Cần Thơ (tháng 8/2016);

+ Hội nghị tập huấn công tác bảo vệ môi trường ngành nông nghiệp, nông thôn tại Bộ Nông nghiệp và PTNT tháng 10/2016 tại Bộ;

+ Viện đã lựa chọn 6 sản phẩm xử lý môi trường nổi bật nhất tham gia Chợ công nghệ Hà Nội (TechMart Hà Nội, 2016) được các đối tác quan tâm;

+ Tham gia trưng bày mẫu vật, kết quả nghiên cứu tại Hội nghị tổng kết công tác xây dựng nông thôn mới tại Nam Định (Tháng 9/2016).

V. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

5.1. Số lượng cán bộ đang được gửi đi đào tạo SDH (tính đến 12/2016): 16 người

- Số NCS, cao học trúng tuyển năm 2016 gồm: 01 NCS học tại trường ĐH Kyushu Nhật Bản do chương trình CNSH nông nghiệp và thủy sản chi trả.

- Tổng số NCS, cao học (tính đến 12/2016) là 16 người trong đó có 3 người đang học tại nước ngoài.

Số lượng cán bộ hoàn thành chương trình đào tạo SDH: 01 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ (học trong nước).

5.2. Đội ngũ giảng viên, giáo trình

- Số cán bộ tham gia giảng dạy, hướng dẫn NCS, học viên cao học: 9 người

- Số cán bộ tham gia viết giáo trình, biên soạn sách, tài liệu giảng dạy, tham khảo là 12 người.

- Số cán bộ đã công bố bài báo khoa học trên tạp chí trong nước và nước ngoài: 40 người.

5.3. Tình trạng gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa học

- Số chương trình/ đề tài/ dự án (Cấp Nhà nước, Bộ, cơ sở, địa phương, HTQT, nghị định thư) có đào tạo thạc sĩ cho 21 học viên cao học từ các viên chức của Viện và các đơn vị có liên quan, trong đó có 2 học viên cao học do Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam đào tạo, 19 học viên cao học thuộc các trường đại học khác.

- Hiện tại Viện cũng đang theo dõi, tổ chức sinh hoạt chuyên môn cho 6 nghiên cứu sinh do Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam đào tạo.

5.4. Các khoá đào tạo khác: Chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học...

Năm 2016, Viện đã đăng ký thi nâng ngạch viên chức cho các cán bộ biên chế trong Viện và đã có 17 viên chức đăng kí (2 nghiên cứu viên cao cấp, 15 nghiên cứu viên chính) và cử 7 cán bộ đi học lớp nâng ngạch viên chức (2 nghiên cứu viên cao cấp, 15 nghiên cứu viên chính) và cử 2 viên chức tham dự khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Nghiên cứu viên cao cấp và 7 viên chức tham dự khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh Nghiên cứu viên chính.

5.5. Tình trạng cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo

Phòng thí nghiệm, máy móc trang thiết bị, vật tư, hóa chất, thư viện, hội trường và phòng sinh hoạt học thuật cho nghiên cứu sinh còn thiếu và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đào tạo.

Viện chưa bố trí được phòng sinh hoạt học thuật làm việc riêng cho nghiên cứu sinh mà đang lồng ghép với phòng Hội thảo và thư viện.

VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

6.1. Công tác quản lý tài chính

Năm 2016, Viện được cấp 12 tỷ 634 triệu đồng kinh phí ngân sách từ Bộ Nông nghiệp và PTNT, 4 tỷ 065 triệu đồng kinh phí đề tài cấp Nhà nước từ Bộ KH-CN, 4 tỷ 897 triệu DA HTQT, 636 triệu đồng từ hoạt động hợp tác với địa phương và 20,1 tỷ kinh phí HĐ tư vấn, hoạt động dịch vụ của các đơn vị và 2 trung tâm trực thuộc; 7 tỷ kinh phí xây dựng trụ sở của Viện, 6,6 tỷ kinh phí xây dựng trụ sở Trung tâm Nghiên cứu và Quan trắc môi trường nông nghiệp miền Trung và Tây Nguyên. Tổng kinh phí năm 2016 của Viện là 55,96 tỷ đồng.

Nhìn chung các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp quản lý, kinh phí được cấp qua VAAS tương đối kịp thời theo tiến độ phê duyệt các nhiệm vụ, với 1 đợt giao dự toán nhiệm vụ không thường xuyên (các đề tài, dự án) tại Quyết định giao dự toán của VAAS số 188 ngày 19/2/2016. Kinh phí thường xuyên được cấp 2 đợt theo quyết định giao dự toán của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam số 189 ngày 19/1/15, số 675 ngày 1/6/2016. Kinh phí dự án khuyến nông được Bộ cấp tại QĐ giao dự toán số 189/QĐ-BNN-TC.

Nhìn chung, các đề tài, nhiệm vụ do ngân sách giao đã tương đối hoàn thành giải ngân thanh quyết toán kinh phí trong niên độ năm tài chính. Chỉ có đề tài: “Nghiên cứu các biện pháp cấp bách để ngăn chặn và xử lý hiệu quả cây Bìm Bìm tại Đà Nẵng và vùng lân cận, với thời gian thực hiện trong nhiều năm, do có thay đổi một số nội dung liên quan đến hạng mục xây dựng mô hình, nên có một phần kinh phí cấp năm 2016 đề nghị xin được chuyển sang năm 2017 thực hiện tiếp.

Tính đến 31/12/2016, Viện đã giải ngân 100% kinh phí từ các nguồn, với tổng kinh phí ngân sách nhà nước cấp, 90% kinh phí từ các nguồn khác (XDCB, phối hợp dịch vụ).

6.2. Công tác quản lý, sử dụng tài sản

Thực hiện bàn giao, quyết toán, ghi tăng nguồn hình thành của các tài sản mua sắm từ 02 gói thầu thuộc nguồn kinh phí của Ban Quản lý các Dự án nông nghiệp, với nguyên giá là 9,908 tỷ đồng và Viện đã ra Quyết định giao cho các đơn vị trực thuộc quản lý và sử dụng theo quy định.

Trình Bộ Nông nghiệp & PTNT và Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam phê duyệt cho thực hiện việc thanh lý nhà 3 tầng, khu nhà cấp 4, tường rào và các công trình hạ tầng thuộc khuôn viên xây dựng trụ sở làm việc mới của Viện.

Thực hiện thanh lý 01 xe ô tô và đã được Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam điều chuyển 01 xe ô tô 7 chỗ của Viện Cây Lương thực – Cây thực phẩm để phục vụ công tác chung của Viện. Điều chuyển nội bộ 01 xe Pickup của Trung tâm Nghiên cứu và Quan trắc môi trường nông nghiệp miền Trung và Tây Nguyên cho trung tâm Phân tích và Chuyển giao CNMT quản lý và sử dụng.

6.3. Kết quả hoạt động sự nghiệp có thu năm 2016

Tổng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp là 20.1 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 283 triệu đồng, nộp ngân sách nhà nước 143 triệu đồng thuế.

VII. CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, ĐOÀN THỂ

7.1. Công tác Đảng

Đảng ủy và Lãnh đạo Viện thường xuyên trao đổi, phối hợp và lãnh đạo các đoàn thể, đơn vị và viên chức trực thuộc Viện triển khai các nhiệm vụ chuyên môn của mình kịp thời hiệu quả. Tính đến tháng 12/2016 Đảng bộ Viện Môi trường Nông nghiệp có 55 đảng viên (trong đó có 2 đảng viên dự bị), không có trường hợp nào bị kỷ luật, khai trừ khỏi Đảng. Công tác phát triển Đảng đã được quan tâm, đã công nhận đảng viên chính thức cho 4 đảng viên mới.

Trong năm 2016, Đảng bộ có 02 Đảng viên đã được cấp bằng cao cấp lý luận chính trị và 01 Đảng viên đang theo học lớp trung cấp lý luận chính trị, 100% đảng viên mới tham gia lớp học bồi dưỡng chính trị.

7.2. Công tác Công đoàn

a) Chăm lo đời sống, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.

- Tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động. Quan tâm động viên viên chức và người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái trong công nhân viên chức, lao động thông qua các đợt thăm hỏi đoàn viên công đoàn và thân nhân bị ốm đau, hiếu, hi, ...;

- Nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6, Trung Thu, ban Nữ công Công đoàn đã tặng quà cho các cháu là con em của viên chức và người lao động trong Viện;

- Công đoàn đã phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, Lãnh đạo Viện tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình con em là đối tượng chính sách nhân ngày thương binh, liệt sĩ 27/7.

b) Công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên và người lao động, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh.

Công tác tuyên truyền giáo dục được triển khai thường xuyên đối với toàn bộ công đoàn viên trong Viện về giáo dục cho đoàn viên thấy rõ được chức năng, nhiệm vụ, quyền lợi và trách nhiệm của người viên chức, nghiên cứu viên, về giờ giấc làm việc, tác phong làm việc, cách ứng xử, thực hiện tốt các quy tắc của Viện và của các đơn vị.

c) Tổ chức các phong trào thi đua

Công đoàn đã phát động tổ chức phong trào thi đua lao động, sản xuất, nghiên cứu khoa học góp phần xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh, đóng góp xứng đáng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Viện, đẩy mạnh phong trào “Lao động giỏi, Lao động sáng tạo”; phong trào “Thi đua học tập nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế”... để chào mừng các sự kiện lịch sử, chính trị trọng đại của đất nước.

d) Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn và đội ngũ cán bộ công đoàn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình “Phát triển đoàn viên giai đoạn 2013 – 2018” và chương trình “Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ công đoàn” tới các tổ Công đoàn. Năm 2016, Công đoàn Viện đã cử 13 đồng chí cán bộ công đoàn tham gia lớp bồi dưỡng tập huấn do Công đoàn cấp trên tổ chức.

e) Công tác nữ công

- Ban nữ công của Viện đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác nữ, về giới, bình đẳng giới, ..., tham gia phong trào “Cha mẹ lao động giỏi, con chăm ngoan học giỏi” trong nữ công nhân viên chức lao động gắn với việc triển khai các nội dung của Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới, Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020;

- Tổ chức cho anh chị em đi tham quan Thác Bờ và thủy điện Hòa Bình nhân dịp đầu xuân năm mới và nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3.

f) Công tác Tài chính và hoạt động kinh tế

Việc thu chi tài chính của Công đoàn Viện đảm bảo đúng nguyên tắc và thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính với Công đoàn cấp trên. Việc thu chi tài chính được công khai và được phân bổ cho các mục chi theo đúng quy định.

g) Hoạt động của Ủy ban Kiểm tra

Hoạt động của UBKT Công đoàn được thực hiện tốt, UBKT đã xây dựng kế hoạch kiểm tra các hoạt động công đoàn; kiểm tra việc thu chi tài chính công đoàn; nội bộ công đoàn viên trong đơn vị đoàn kết; không có đơn thư tố cáo.

7.3. Công tác Đoàn thanh niên

a) Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện đoàn viên

Ban chấp hành Liên chi đoàn đã phối hợp với các tổ chức chính quyền, công đoàn và các bộ môn chuyên môn cùng tham gia giáo dục tư tưởng và rèn luyện cho đoàn viên, coi hoạt động của đoàn viên là một nội dung quan trọng để đánh giá quá trình hoạt động của một cán bộ viên chức trẻ.

b) Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền

- Kiện toàn tổ chức: Năm 2016, công tác tổ chức của các chi đoàn có sự biến động do 01 đồng chí trong BCH Chi đoàn khối NC1 chuyển công tác vì vậy, BCH LCĐ đã chỉ đạo kiện toàn công tác tổ chức BCH chi đoàn của Khối.

- Công tác phát triển Đảng: Liên chi Đoàn đã giới thiệu cho Đảng được 02 đối tượng đoàn viên ưu tú tham gia lớp cảm tình Đảng tổ chức tại trường Quản lý cán bộ, giới thiệu 3 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và đề nghị kết nạp Đảng, theo dõi, hỗ trợ cho 02 đoàn viên là đảng viên dự bị trở thành đảng viên chính thức.

c) Công tác nghiên cứu khoa học

- Phong trào thanh niên nghiên cứu khoa học: Các ĐVTN trong Liên chi đoàn đều tích cực tham gia các đề tài Khoa học trong nước cũng như hợp tác Quốc tế. Hiện nay, có 03 ĐVTN đang là chủ nhiệm đề tài, dự án nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ, nhiều ĐVTN là thư ký các đề tài khoa học cấp ngành, cấp Bộ, cấp nhà nước và đề tài hợp quốc tế. Ngoài ra, giữa các bộ môn đã và đang có những đề tài dự án liên kết, giúp đoàn viên tại các bộ môn khác nhau có thể học tập và cọ sát và bổ trợ về kiến thức về công việc cho nhau. Khi tham gia thực hiện các đề tài dự án các đồng chí đoàn viên, thanh niên đã không ngại khó, ngại khổ để hoàn thành công việc và nhiệm vụ được giao. Số lượng đoàn viên, thanh niên tham gia báo cáo khoa học trước các Hội đồng khoa học chiếm tỷ lệ lớn, có báo cáo đạt loại xuất sắc.

- Phong trào thanh niên tham gia chuyển giao công nghệ: Phong trào thanh niên tham gia chuyển giao công nghệ được đoàn viên, thanh niên tham gia tích cực và nhiệt tình. Đoàn viên, thanh niên đã không quản ngại khó khăn đi tới các vùng, miền trong cả nước như: Cao Bằng, Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Nghệ An, Kon Tum, Gia Lai,.. đặc biệt là phải nằm vùng các tỉnh miền Nam xa xôi (An Giang, Đồng Tháp, Long An, ...) để thực hiện nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân, được nhân dân địa phương đánh giá cao, được lãnh đạo Viện, đối tác và chủ nhiệm đề tài ghi nhận.

d) Công tác rèn luyện bản thân và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

- Công tác rèn luyện bản thân: Ban chấp hành Liên chi Đoàn đã chủ động động viên, khuyến khích đoàn viên đã tự giác nỗ lực tự học tập, rèn luyện nâng cao trình độ bản thân, nhiều đoàn viên trẻ đã được các Bộ môn, Phòng chuyên môn tin tưởng giao thực hiện các đề tài khoa học quan trọng, nhiều đồng chí là lực lượng nòng cốt trong triển khai kế hoạch thực hiện đề tài.

- Công tác nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Công tác nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được các đoàn viên thực hiện thường xuyên và chủ động. Các Đoàn viên dựa trên những định hướng chuyên môn của Lãnh đạo các đơn vị, chủ động đăng ký tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn, dài hạn, các khóa học thạc sỹ và tiến sỹ trong nước và nước ngoài. Năm 2016, 02 đoàn viên hoàn thành khóa học tiếng Anh ngắn hạn, 02 đoàn viên hoàn thành khóa học thạc sỹ.

e) Công tác phong trào

- Phong trào thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới: Công tác thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện lồng ghép trong các hoạt động phong trào của thanh niên. Ngày 5/6/2016, được sự đồng ý của Lãnh đạo Viện, BCH Liên chi đoàn Viện phối hợp với Đoàn cấp trên tổ chức chương trình hưởng ứng ngày Môi trường thế giới với chủ đề “ Chung tay bảo vệ môi trường xây dựng nông thôn mới” tại Tây Giang, Kim Bảng, Hà Nam. Ngoài ra, Đoàn TN của Viện vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động hỗ trợ xây dựng nông thôn mới với Đoàn xã kết nghĩa Hương Ngải, Thạch Thất.

Trong chuỗi các chương trình hưởng ứng chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn vào tuần thứ 3 của tháng 9 năm 2016, Viện đã tổ chức các sự kiện tuyên truyền hưởng ứng như “Chung tay xây dựng nông thôn xanh- sạch - đẹp” tại Bộ Nông nghiệp và PTNT; “Tập huấn tăng cường năng lực xử lý ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn” tại Cẩm Thành, Cẩm Xuyên, Thanh Hoá phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ Nông nghiệp và PTNT. Phát động và hưởng ứng tuần lễ làm cho thế giới sạch hơn tại Bộ Nông nghiệp và PTNT đến các doanh nghiệp.

- Phong trào thanh niên tham gia xây dựng cơ quan Xanh - Sạch - Đẹp: Được xác định là một trong những nội dung trọng điểm của thanh niên trong năm 2016, phong trào thanh niên tham gia xây dựng cơ quan Xanh - Sạch - Đẹp được thực hiện với các chương trình trồng cây, dọn vệ sinh khuôn viên cơ quan, duy trì phòng làm việc xanh - sạch - khoa học. Hưởng ứng tháng thanh niên và tết trồng cây 2016, BCH LCDĐ đã tổ chức trồng lại các cây trong khuôn viên Viện.

- Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao: Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao được duy trì thường xuyên. Năm 2016, BCH LCDĐ đã chỉ đạo thanh niên xây dựng sân bóng đá, bóng chuyền, sân cầu lông tại khu nhà làm việc mới. Phát động và duy trì các hoạt động thể thao ngoài giờ.

Là lực lượng nòng cốt tham gia Hội thảo Cụm 1 do Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam tổ chức, BCH Đoàn TNCS HCM đã phối hợp với BCH Công đoàn tổ chức tốt các hoạt động giao lưu thể thao. Kết quả thể thao đạt giải nhì toàn đoàn, trong đó giải nhất môn bóng bàn đơn nam, giải nhất bóng đá Nam, giải 3 cầu lông đôi Nam, kéo co, các nội dung thi khác đều có giải.

VII. CÔNG TÁC KHÁC

8.1. Công tác thi đua, khen thưởng:

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã khen thưởng đột xuất cho 3 cá nhân của Viện có thành tích xuất sắc trong công tác điều tra, tìm nguyên nhân hiện tượng cá chết, xây dựng phương án hỗ trợ người dân 4 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế bị thiệt hại trong sự cố môi trường biển, năm 2016 tại Quyết định số 3483/QĐ-BNN-TCCB ngày 23 tháng 8 năm 2016.

8.2. Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kỷ luật:

Trong năm 2016, Viện không có đơn thư, khiếu nại, không có cán bộ vi phạm kỷ luật.

8.3. Thực hiện Luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm

- Viện đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện (sửa đổi); Quy chế hoạt động nội bộ (sửa đổi) đồng thời tổ chức thực hiện nhiều biện pháp nhằm phòng ngừa tham nhũng như: công khai, minh bạch tất cả các quy trình xử lý công việc, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế hoạt động nội bộ; kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng phải kê khai; ..., qua đó việc phòng ngừa và chống tham nhũng tại cơ quan đạt hiệu quả cao.

- Đảng ủy và Lãnh đạo Viện, ngoài việc chỉ đạo công tác chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ được giao, vẫn luôn quan tâm đến việc chỉ đạo các Phòng, Bộ môn và các đơn vị trực thuộc Viện thực hiện tốt Luật Phòng, chống tham nhũng nhằm nêu cao ý thức trách nhiệm, tinh thần gương mẫu trong việc phê bình và tự phê bình của mỗi cán bộ, đảng viên, viên chức trong công tác phòng ngừa và chống tham nhũng.

Trong năm 2016, công tác phòng chống tham nhũng của Viện đã được thực hiện tốt, không có hành vi tham nhũng xảy ra.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, HÀNH CHÍNH VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Tiếp tục đẩy mạnh và ổn định công tác tổ chức, cán bộ, hướng đến nâng cao chất lượng cán bộ về năng lực quản lý và chuyên môn;

- Điều động, sắp xếp hợp lý, bố trí lại một số viên chức trong đơn vị với mục đích tăng cường, thử thách viên chức trong Viện nhằm phát huy vai trò cá nhân đối với tập

thể, đồng thời phát hiện kịp thời các viên chức có trình độ, phẩm chất lãnh đạo để bồi dưỡng phát triển;

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đề xin được cấp vốn xây dựng cho năm tiếp theo, quản lý hiệu quả, đúng quy trình các hoạt động liên quan đến dự án xây dựng để đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình;

- Hoàn thiện công tác bổ nhiệm và bổ nhiệm lại ở các cấp lãnh đạo còn thiếu hoặc hết nhiệm kỳ trên cơ sở tính đến qui hoạch và khả năng viên chức trên cơ sở quy hoạch và năng lực cán bộ theo các lĩnh vực, nhiệm vụ được giao;

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát cảnh quan cơ quan, đưa cơ quan ngày càng trở nên xanh, sạch đẹp, lề lối làm việc có nề nếp phục vụ cho sự nghiệp phát triển chung của Viện.

II. CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Phát huy khả năng chuyên môn của các nhà khoa học, nhất là những nhà khoa học đã được đào tạo sau đại học tại nước ngoài để huy động trí tuệ tập thể xây dựng và phát triển các hoạt động khoa học công nghệ phát triển Viện;

- Đẩy mạnh công tác xây dựng kế hoạch, kết nối với nguồn kinh phí khoa học lớn như các chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước, các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ;

- Đẩy mạnh mảng thông tin, quảng bá hình ảnh Viện, đưa vào khai thác, vận hành có hiệu quả trang thông tin của Viện, cập nhật thường xuyên các tin và bài của các đơn vị và cán bộ trong Viện nhằm nâng cao vị thế của Viện đối với hoạt động nghiên cứu môi trường nông nghiệp, nông thôn;

- Tăng cường hơn nữa Hợp tác quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các viên chức trẻ tham gia vào các dự án Hợp tác quốc tế, thông qua hợp tác quốc tế để tăng cường năng lực cho viên chức của Viện.

III. CÔNG TÁC ĐỜI SỐNG

Viện luôn tạo điều kiện thuận lợi để cho các viên chức của Viện có thể nâng cao đời sống, phấn đấu thu nhập bình quân của viên chức tăng 800.000 đồng/tháng so với lương cơ bản.

IV. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính nhằm sử dụng hiệu quả, phân bổ kinh phí kịp thời cho các hoạt động khoa học công nghệ của Viện;

- Các đơn vị trực thuộc sẽ phải năng động hơn để đa dạng và tìm kiếm các nguồn đề tài khác.

V. CÔNG TÁC ĐẢNG VÀ TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động đặc biệt là công tác tổ chức cán bộ, định hướng xây dựng bộ máy tổ chức và xây dựng Viện, xác định hướng ưu tiên nghiên cứu và tăng cường khối đoàn kết nội bộ, sự phối hợp giữa các đơn vị trong Viện tạo điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đoàn thể để thu hút sự tham gia của toàn thể viên chức trong Viện. Thực hiện tốt các quy chế nội bộ, quy chế công khai dân chủ, quy định thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để các cán bộ viên chức yên tâm, tin tưởng và nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các phong trào Công đoàn, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thể thao, giao lưu văn nghệ, phong trào đền ơn đáp nghĩa, lá lành đùm lá rách, tương trợ giúp đỡ nhau trong công tác;

- Tiếp tục duy trì và phát huy các phong trào xung kích thanh niên, thanh niên làm theo lời Bác, các phong trào duy trì, tôn tạo cảnh quan của Viện.

C. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam hướng dẫn thực hiện theo điều lệ hoạt động được Bộ ban hành và tiếp tục phân cấp quản lý cho các Viện thành viên nhằm tạo điều kiện cho các Viện chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình một cách tốt nhất.

2. Đề nghị với Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp kinh phí cho nhiệm vụ nghiên cứu khoa học lĩnh vực môi trường nông nghiệp, nông thôn, mở rộng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, hình thành lên các chương trình trọng điểm về khoa học công nghệ cho lĩnh vực môi trường nông nghiệp, nông thôn.

3. Tổ chức hội nghị tổng kết định kỳ hàng năm về công tác tổ chức, cán bộ, khoa học, tài chính cũng như mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho viên chức làm công tác này.

Nơi nhận:

- Viện KHNNVN;
- Lưu VT, KH.

VIỆN TRƯỞNG

Mai Văn Trinh